TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG JLPT N3)
ĐỢT 05 NĂM 2026
(Địa chỉ: HungHau Campus (HEC), Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Nhật bậc 4 (Tương đương JLPT N3) **Ngày kiểm tra: 31/05/2026**

Phòng kiểm tra: N4.PT01 **CBCKTr1:** ……..... **Ký tên:**…….....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:20 (Từ vựng - Đọc hiểu - Nghe hiểu) **CBCKTr2:** ……..... **Ký tên:**…….....

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TNB4.05.001	221A160176	Phạm Vũ Kiều	Anh	26/05/2004	Đồng Nai		
2	VHU.TNB4.05.002	211A160149	Lê Thị Ngọc	Ánh	09/07/2003	Vĩnh Long		
3	VHU.TNB4.05.003	201A160137	Đỗ Thị Linh	Chi	02/01/2002	Ninh Bình		
4	VHU.TNB4.05.004	221A160180	Võ Nguyễn Kim	Cương	08/01/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TNB4.05.005	191A170006	Từ Thùy	Dương	15/04/2000	Cà Mau		
6	VHU.TNB4.05.006	201A160056	Đỗ Việt Mạnh	Hùng	24/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TNB4.05.007	201A150020	Nguyễn Trung	Kiên	11/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TNB4.05.008	221A160089	Phạm Thị Thanh	Kiều	26/12/2004	Vĩnh Long		
9	VHU.TNB4.05.009	191A150097	Trần Khánh	Luân	20/11/2001	Lâm Đồng		
10	VHU.TNB4.05.010	201A160098	Hà Minh	Luân	23/09/2001	Tây Ninh		
11	VHU.TNB4.05.011	181A150018	Lê Thảo	Ly	04/10/1996	Cà Mau		
12	VHU.TNB4.05.012	221A160024	Phạm Thị Thanh	Minh	04/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TNB4.05.013	181A160040	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	02/06/2000	Vĩnh Long		
14	VHU.TNB4.05.014	211A160119	Nguyễn Ngô Mỹ	Ngân	29/10/2003	Đồng Tháp		
15	VHU.TNB4.05.015	221A080251	Hồ Thảo	Như	17/12/2004	Đắk Lắk		
16	VHU.TNB4.05.016	211A160156	Lê Thị Kiên	Quyên	02/12/2003	Đắk Lắk		
17	VHU.TNB4.05.017	181A160170	Trần Thị Thu	Thanh	15/12/2000	An Giang		
18	VHU.TNB4.05.018	191A150006	Lý Kiến	Thành	05/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TNB4.05.019	151A150816	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TNB4.05.020	191A160128	Phạm Trần Thị Thu	Thảo	10/06/2001	Tây Ninh		
21	VHU.TNB4.05.021	211A160118	Lưu Anh	Thư	29/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TNB4.05.022	191A160092	Nguyễn Thị Diễm	Thuỳ	07/04/2001	Khánh Hòa		
23	VHU.TNB4.05.023	191A160142	Nguyễn Ngọc Ngân	Trang	08/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TNB4.05.024	181A150272	Lâm Thị Tuyết	Trang	03/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TNB4.05.025	211A160124	Bùi Ngọc Mai	Trinh	04/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TNB4.05.026	191A150065	Trần Hoàng Mộng	Vân	08/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TNB4.05.027	171A150075	Võ Ngọc	Vân	19/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TNB4.05.028	211A160147	Trần Thuỵ Ngọc	Vi	11/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TNB4.05.029	201A160175	Đặng Nguyễn Mỹ	Xuân	30/01/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TNB4.05.030	191A140088	Đỗ Kim	Xuyến	09/10/2001	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:……

Số thí sinh dự kiểm tra:……

Số thí sinh vắng kiểm tra:……

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà